

## THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI NĂM 2019

Học viện Phụ nữ Việt Nam là cơ sở giáo dục đại học công lập; Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-BGDĐT ngày 16/4/2019 về việc cho phép Học viện Phụ nữ Việt Nam đào tạo trình độ thạc sĩ ngành **Công tác xã hội**; Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Học viện Phụ nữ Việt Nam thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Công tác xã hội năm 2019 như sau:

Mã ngành đào tạo: **8760101**

Tên chương trình đào tạo: **Công tác xã hội**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

### 1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức và trách nhiệm xã hội; Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tâm lý, xã hội liên quan đến Công tác xã hội; Có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng thực hành Công tác xã hội chuyên nghiệp, hiệu quả; Có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo; Có thể trở thành những chuyên gia, những nhà quản trị giỏi về Công tác xã hội trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu.

### 2. Cơ hội học tập và vị trí việc làm của học viên sau tốt nghiệp:

Học viên cao học ngành Công tác xã hội của Học viện phụ nữ Việt Nam khi tốt nghiệp ra trường sẽ có bằng Thạc sĩ Công tác xã hội có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

+ Chuyên viên, cán bộ quản lý về CTXH trong các cơ quan nhà nước, hệ thống chính trị: Bộ Lao động – thương binh và Xã hội, TW Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội; hệ thống cơ quan Lao động – Thương binh - Xã hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt nam, các tổ chức chính trị xã hội ở cấp tỉnh/ thành và quận/huyện;

+ Cán bộ chuyên trách, quản lý trong các trung tâm Công tác xã hội, Các cơ sở Bảo trợ xã hội, Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ mồ côi; Trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người cao tuổi; Các cơ sở cai nghiện ma túy, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế...;

+ Chuyên gia, tham vấn độc lập về CTXH cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng;

+ Tự thành lập và vận hành mô hình CTXH một cách chuyên nghiệp và hiệu quả;



- + Chuyên viên, cán bộ phụ trách CTXH trong bệnh viện, trường học.
- + Tiếp tục nghiên cứu sinh trong hoặc ngoài nước để có bằng Tiến sĩ Công tác xã hội;
- + Nghiên cứu viên; giảng viên CTXH trong các trường đại học, viện nghiên cứu; Nam;

### 3. Thời gian đào tạo và điều kiện mở lớp:

- Lớp học tập trung trong giờ hành chính: 1,5 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn thạc sĩ)
- Lớp học không tập trung ngoài giờ hành chính: 2,0 năm (bao gồm cả thời gian học các học phần và thời gian viết, bảo vệ luận văn thạc sĩ)

### 4. Các môn thi tuyển:

- Môn An sinh xã hội (đề cương ôn tập kèm theo)
- Môn Công tác xã hội (đề cương ôn tập kèm theo)
- Môn Tiếng Anh trình độ B (tương đương trình độ A2 khung Châu Âu chung).

### *Điều kiện miễn thi môn Tiếng Anh*

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo qui định hiện hành; ngôn ngữ sử dụng trong toàn thời gian đào tạo là tiếng Anh.

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam; bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được Ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận; có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng; ngôn ngữ sử dụng trong toàn thời gian đào tạo là tiếng Anh. Lưu ý: Các bằng và bằng điểm đại học và thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ ngành: Tiếng Anh

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam hoặc tương đương được qui định theo bảng dưới đây, trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

| Cấp độ<br>(CEFR)  | IELTS | TOEFL                        | TOEIC | Cambridge<br>Exam  | BEC                     | BULATS | Khung<br>Châu Âu |
|-------------------|-------|------------------------------|-------|--------------------|-------------------------|--------|------------------|
| 3/6<br>(khung VN) | 4.5   | 450 PBT<br>133 CBT<br>45 iBT | 450   | Preliminary<br>PET | Business<br>Preliminary | 40     | B1               |

## 5. Điều kiện dự thi:

Đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đào tạo phải học bổ túc (bổ sung) kiến thức 5 môn (15 tín chỉ), thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành quản trị kinh doanh phải học bổ túc 9 môn học (25 tín chỉ) (phụ lục 1, 2 kèm theo) .

## 6. Đối tượng và chính sách ưu tiên:

6.1 *Đối tượng: Thí sinh thuộc các đối tượng sau đây được hưởng chính sách ưu tiên trong thi tuyển trình độ thạc sĩ:*

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy hiện hành.

b) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

d) Con liệt sĩ.

đ) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học.

6.2 *Các loại giấy tờ phải nộp cùng hồ sơ dự thi để hưởng chính sách ưu tiên (bản sao có công chứng)*

a) Hợp đồng lao động, quyết định tiếp nhận hoặc điều động đi công tác của cấp có thẩm quyền và xác nhận của UBND cấp phường, xã về việc cơ quan đó đặt trụ sở tại địa bàn được ưu tiên (yêu cầu đối với đối tượng a).

b) Chứng minh thư nhân dân hoặc giấy khai sinh; hộ khẩu và xác nhận của UBND cấp phường, xã nơi thí sinh cư trú (yêu cầu đối với đối tượng b)

c) Thẻ thương/bệnh binh hoặc các loại giấy tờ liên quan (y/cầu đối với đối tượng c, d, đ). d) Giấy khai sinh hoặc hộ khẩu, quyết định của UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học đối với người bị nhiễm chất độc hóa học (yêu cầu đối với đối tượng e).

### 6.3. Chính sách ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi 01 điểm (thang điểm 10) cho môn Quản trị học và 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ.

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

## 7. Học phí và kinh phí đào tạo.

Sau khi trúng tuyển, học viên thực hiện nghĩa vụ đóng học phí theo quy định của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Mức học phí được áp dụng theo quy định đối với trường công lập, có điều chỉnh theo năm học, có chính sách ưu đãi cho cựu sinh viên Học viện Phụ nữ Việt Nam. Mức học phí từng năm học sẽ được thông báo chính thức trước khi bắt đầu học kỳ đầu tiên ít nhất 1 tháng. Chi tiết xem tại website: [hvpnv.vn.edu.vn](http://hvpnv.vn.edu.vn).

### 8. Thời gian đăng ký học và thi.

| STT | CÁC HOẠT ĐỘNG                                                             | ĐỢT 1          | ĐỢT 2                                                |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------|
| 1   | Đăng ký trên mạng, nộp hồ sơ chính thức học Thạc sỹ                       | 25/4-10/6/2019 | 1/8-30/9/2019                                        |
| 2   | Học bổ túc/bổ sung kiến thức                                              |                |                                                      |
|     | Ngành gần<br>(Bổ sung 5 học phần, vào tối thứ Sáu, thứ Bảy & CN)          |                | 2/8-22/9/2019<br>(đăng ký học trước ngày 2/8/2019)   |
|     | Ngành khác<br>(Bổ sung 9 học phần, vào tối thứ Sáu, thứ Bảy & CN)         |                | 10/6-22/9/2019<br>(đăng ký học trước ngày 31/5/2019) |
| 3   | Ôn tập/hệ thống kiến thức thi đầu vào (mỗi môn tập 2 ngày vào thứ 7 & CN) | 18/6-19/6/2019 | 27/9-6/10/2019<br>(đăng ký học trước ngày 28/9/2019) |
| 4   | Thời gian thi đầu vào cao học                                             | 22,23/6/2019   | 12,13/10/2019                                        |

#### Ghi chú:

- Học phí học bổ sung kiến thức: 500.000đ/tín chỉ với điều kiện có từ 8 thí sinh đăng ký trở lên, dưới 8 học viên nhà trường sẽ tính toán trên cơ sở thu đủ bù chi.
- Chi phí ôn tập/hệ thống kiến thức là 600.000đ/môn thi với điều kiện có từ 8 thí sinh trở lên; dưới 5 thí sinh nhà trường không tổ chức ôn tập.

### 9. Hồ sơ tuyển sinh

Bước 1: Hoàn thiện việc kê khai thông tin cá nhân đăng ký hồ sơ tuyển sinh tại link sau:

[https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc61066hbRB\\_zh2XXsRc4XlvBVIuqKDlvGieoI7WZBaeEz6Iw/viewform](https://docs.google.com/forms/d/e/1FAIpQLSc61066hbRB_zh2XXsRc4XlvBVIuqKDlvGieoI7WZBaeEz6Iw/viewform)

Bước 2. Thí sinh tự download các loại mẫu giấy tờ có trong hồ sơ tuyển sinh từ website, hoàn thiện và nộp theo thời gian quy định (không phát hành hồ sơ, danh mục các loại giấy tờ cần nộp xem tại Phụ lục 3).

- Lệ phí thi: 420.000đ, bao gồm: Lệ phí thụ lý hồ sơ: 60.000đ + Lệ phí thi: 120.000đ/môn

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam (Phòng 411 tòa nhà 15 tầng) – số 68 đường Nguyễn Chí Thanh- Quận Đống Đa- Hà Nội.

- Thời gian khai giảng đợt 1 dự kiến: 22/9/2019

Mọi thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Đào tạo Học viện Phụ nữ Việt Nam  
ĐT: 02437.751750- 0976571126 (Ths. Nguyễn Thị Thanh Tâm); hoặc website Học viện: [www.hvpnv.vn](http://www.hvpnv.vn); email: [tuyensinh@vwa.edu.vn](mailto:tuyensinh@vwa.edu.vn).

#### Nơi nhận:

- Hội LHPN Việt Nam cấp TW, tỉnh
- Website: [duatin@moet.edu.vn](mailto:duatin@moet.edu.vn)
- Các cơ quan báo chí, cơ sở giáo dục đại học
- Website Học viện
- Lưu ĐT, VT

GIÁM ĐỐC



TS. Trần Quang Tiến

## **Phụ lục 1:**

### **Các ngành đúng và phù hợp:**

- Ngành Công tác xã hội,
- Ngành Công tác Thanh thiếu niên và ngành Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo ngành CTXH của Học viện phụ nữ dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành)

### **2. Các ngành gần: ( Học bổ sung 5 môn)**

- Ngành Công tác Thanh thiếu niên, Hỗ trợ Giáo dục người khuyết tật
- Ngành Xã hội học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Gia đình học; Quản lý dự án Ngành Luật; Ngành Y tế công cộng; Hành chính công; Triết học; An sinh xã hội; Bảo hiểm xã hội (Nếu các ngành này có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo đại học ngành CTXH của Học viện Phụ nữ từ 10-40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.)

### **3. Các ngành khác (học bổ sung 9 môn)**

Các ngành có chương trình đào tạo đại học khác chương trình đào tạo đại học ngành CTXH của Học viện Phụ nữ từ 40% trở lên tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.)

**Phụ lục 2: Danh mục các môn học bổ sung kiến thức**

- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức 5 môn (15 tín chỉ), bao gồm:

| TT | Học phần                               | Số tín chỉ |
|----|----------------------------------------|------------|
| 1  | Hành vi con người và môi trường xã hội | 3          |
| 2  | Nhập môn Công tác xã hội               | 3          |
| 3  | Công tác xã hội cá nhân                | 3          |
| 4  | Công tác xã hội nhóm                   | 3          |
| 5  | Phát triển cộng đồng                   | 3          |
|    | <b>Tổng số</b>                         | 15         |

- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức 9 môn (25 tín chỉ), bao gồm:

| TT | Học phần                               | Số tín chỉ |
|----|----------------------------------------|------------|
| 1  | An sinh xã hội                         | 2          |
| 2  | Chính sách xã hội                      | 2          |
| 3  | Lý thuyết Công tác xã hội              | 3          |
| 4  | Hành vi con người và môi trường xã hội | 3          |
| 5  | Nhập môn Công tác xã hội               | 3          |
| 6  | Công tác xã hội cá nhân                | 3          |
| 7  | Công tác xã hội nhóm                   | 3          |
| 8  | Phát triển cộng đồng                   | 3          |
| 9  | Tham vấn cơ bản                        | 3          |
|    | <b>Tổng số</b>                         | 25         |

Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà học viên có thể được miễn, giảm các học phần bổ sung, nếu nội dung các học phần có trong bảng điểm đại học trùng ít nhất 2/3 nội dung các học phần bổ sung trong bảng trên.

**Phụ lục 3:**



**Danh mục hồ sơ tuyển sinh**

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu trên website Học viện: [www.hvpnv.vn.edu.vn](http://www.hvpnv.vn.edu.vn));
2. Công văn cử cán bộ đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan (nếu có);
3. Bản sao Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học.
5. Bản sao Quyết định tuyển dụng/Bổ nhiệm/Hợp đồng lao động để xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
6. Bản sao có chứng thực các giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có).
7. Ảnh (2 ảnh 3x4, 4 ảnh 4x6)
8. Phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận.

**PHIẾU ĐĂNG KÝ****DỰ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2019**Ảnh  
(3 x 4)(Đóng dấu giáp  
lại của cơ quan  
quản lý hoặc  
chính quyền địa  
phương)**1. SƠ YẾU LÝ LỊCH**

Họ và tên (viết in hoa): ..... Giới tính: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh (tỉnh): ..... Dân tộc: .....

Điện thoại (DD): ..... (NR): .....

(CQ): ..... Email: .....

Địa chỉ liên hệ (nếu nhắn qua người khác đề nghị ghi cụ thể): .....

.....

.....

.....

**Đối tượng dự thi** (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)- Cán bộ, công chức nhà nước ..... ☐- Thí sinh tự do ..... ☐- Đối tượng khác (ghi rõ) (DNNN, liên doanh, TNHH, cổ phần, ....) ..... ☐**Đối tượng ưu tiên** (Thương binh, dân tộc, công tác tại hải đảo, miền núi, ..) .....**2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO****2.1. Bằng đại học thứ nhất**

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....

Chuyên ngành: ..... Xếp loại tốt nghiệp: .....

Hệ đào tạo: ..... Năm tốt nghiệp: .....

**2.2. Bằng đại học thứ hai (nếu có)**

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....

Chuyên ngành: ..... Xếp loại tốt nghiệp: .....

Hệ đào tạo: ..... Năm tốt nghiệp: .....

**3. CÔNG VIỆC HIỆN NAY** (ghi rõ chuyên môn, chức vụ, cơ quan công tác)

.....

.....

**4. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ:**Tiếng Anh ☐Miễn thi ☐

5. NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI : .....

**6. ĐĂNG KÝ THỜI GIAN HỌC SAU KHI TRÚNG TUYỂN**

(Thí sinh lựa chọn thời gian học nào, đánh dấu ✓ vào ô tương ứng, không thay đổi sau khi nhập học)

- Buổi tối: (từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm) ..... ☐
- Cuối tuần: (tối thứ sáu, sáng+chiều: thứ bảy+chủ nhật, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm) ... ☐

Ghi chú: - Thời gian học: Sáng: 8<sup>h00</sup> - 12<sup>h00</sup>; Chiều: 13<sup>h30</sup> - 17<sup>h40</sup>; Tối: 18<sup>h00</sup> - 20<sup>h30</sup>

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/CQ ĐỊA PHƯƠNG**

.....  
.....  
.....  
.....

Ngày ..... tháng ..... năm 2019  
Thủ trưởng đơn vị/CQ địa phương  
(Ký tên, đóng dấu)

**CAM ĐOAN CỦA THÍ SINH**

.....  
.....  
.....  
.....

Ngày ..... tháng ... năm 2019  
Thí sinh đăng ký dự thi  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*Mẫu*

Tên cơ quan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V.v: Cử cán bộ đi dự tuyển sinh  
cao học năm 201..

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....

**Kính gửi: HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM**

Cơ quan: .....

Đồng ý cử Ông/Bà .....

Sinh ngày:.....

Hiện nay là cán bộ phụ trách công việc .....

của cơ quan đến Học viện Phụ nữ Việt Nam làm thủ tục dự tuyển sinh cao học năm  
201..... chuyên ngành .....

.....

thuộc hệ đào tạo thạc sĩ. Đề nghị Quý Nhà trường xem xét và tạo điều kiện cho ông/bà  
..... tham gia kỳ tuyển sinh.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thủ trưởng cơ quan  
(Ký tên, đóng dấu)